UBND HUYỆN PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN LONG

Mẫu 5

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	**Lớp 2**	**Lớp 3**	**Lớp 4**	**Lớp 5**
I	Điều kiện tuyển sinh	124hs/4lớp. HS có hộ khẩu thường trú và tạm trú tại xã Tân Long	155hs/5 lớp. HS có hộ khẩu thường trú và tạm trú tại xã Tân Long, đã HTCT lớp 2	162hs/5 lớp. HS có hộ khẩu thường trú và tạm trú tại xã Tân Long, đã HTCT lớp 3	147hs/4lớp. HS có hộ khẩu thường trú và tạm trú tại xã Tân Long, đã HTCT lớp 4	169hs/5lớp. HS có hộ khẩu thường trú và tạm trú tại xã Tân Long, đã HTCT lớp 5
II	Chương trình GD mà cơ sở GD tuân thủ	Chương trình giáo dục phổ thông **theo T**hông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/20218 2018/BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT (35 tuần)35 tuần				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của HS	- Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục học tập, năng lực và phẩm chất của HS theo từng học kì; gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN,với BGH để cùng phối hợp giáo dục HS. - HS phải thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của một HS tiểu học, chấp hành đầy đủ nội quy của nhà trường.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của HS ở cơ sở giáo dục	Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá, các buổi sinh hoạt đội, tổ chức các hoạt động vệ sinh. Mỗi tháng có một hoạt động ngoài giờ lên lớp, tạo điều kiện để tất cả hs được tham gia.				
V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá phẩm chất và năng lực Đa số HS đều đạt được Chuẩn kiến thức-Kĩ năng theo quy định của từng khối lớp, phấn đấu có 98,5 % chuyển lớp và 100% học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trìnhtiểu học.				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Cuối năm học 98,5 % số học sinh có đủ kiến thức, kĩ năng để tiếp tục theo học các lớp trên.				

Tân Long, ngày 09 tháng 09 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN LONG

Đỗ Huyền Thục Nữ Thuỵ Băng Châu

Scanned with CamScanner

UBND HUYỆN PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN LONG

Mẫu 6

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2024-2025

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	**782**	**157**	**153**	**150**	**167**	**155**
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)**	**782 (100%)**	**157**	**153**	**150**	**167**	**155**
III	**Số học sinh chia theo năng lực**	**782**	**157**	**153**	**150**	**167**	**155**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**319 (40,8%)**	65	49	59	65	81
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**455 (59,6%)**	87	104	88	102	74
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	**8 (0,9%)**	5	0	3	0	0
IV	**Số học sinh chia theo phẩm chất**	**782**	**157**	**153**	**150**	**167**	**155**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**423 (54,3%)**	88	78	78	93	88
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**354 (45,3%)**	68	75	70	74	67
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	**3 (0,4%)**	1	0	2	0	0
V	**Số học sinh chia theo môn học**	**782**	**157**	**153**	**150**	**167**	**155**
1	**Tiếng Việt**	**782**	**157**	**153**	**150**	**167**	**155**
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**289 (37%)**	65	51	58	65	50
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**483 (61,7%)**	87	102	87	102	105
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**10 (1,3%)**	5	0	5	0	0
2	**Toán**	**778**	**157**	**153**	**150**	**167**	**155**
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**283 (36,2%)**	71	51	57	61	43
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**488 (62,4%)**	82	102	87	105	112
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**11 (1,4%)**	4	0	6	1	0
3	**Khoa học**	**322**				**167**	**155**
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**170 (52,8%)**				93	77
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**152 (47,2%)**				74	78
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					0	0
4	**Lịch sử và Địa lí**	**322**				**167**	**155**
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**168 (52,2%)**				93	75
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**154 (47,8%)**				74	80
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					0	0
5	**Tiếng Anh**	**782**	**157**	**153**	**150**	**167**	**155**
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**213 (27,2%)**	34	38	45	59	37
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**561 (71,8%)**	120	115	100	108	118

Scanned with CamScanner

c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	8 (1,0%)	3	0	5	0	0
6	**Tin học**	472			150	167	155
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	195 (41,3%)			66	71	58
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	275 (58,3%)			82	96	97
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0,4%)			2	0	0
7	**Đạo đức**	782	157	153	150	167	155
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	434 (55,5%)	93	65	78	110	88
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	347 (44,4%)	64	88	71	57	67
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,1%)	0	0	1	0	0
8	**Tự nhiên và Xã hội**	460	157	153	150		
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	217 (47,2%)	80	65	72		
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	242 (52,6%)	77	88	77		
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,2%)	0	0	1		
9	**Âm nhạc**	778	157	153	150	167	155
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	243 (31,1%)	53	46	54	48	42
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	538 (68,8%)	104	107	95	119	113
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,1%)	0	0	1	0	0
10	**Mĩ thuật**	778	157	153	150	167	155
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	331 (42,4%)	64	63	65	68	71
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	450 (57,5%)	93	90	84	99	84
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,1%)	0	0	1	0	0
11	**Thủ công (Kỹ thuật)**	155					155
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	84 (54,2%)					84
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	71(45,8%)					71
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						0
12	**Thể dục**	782	157	153	150	167	155
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	398 (50,9%)	90	54	97	60	97
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	383 (49%)	67	99	52	107	58
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,1%)	0	0	1	0	0
13	**Hoạt động trải nghiệm**	627	157	153	150	167	
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	318 (50,7)%	81	63	77	97	
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	308 (49,1%)	76	90	72	70	
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,2%)	0	0	1	0	
	Tổng hợp kết quả cuối năm	782	157	153	150	167	155
	Hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	766 (98,5%)	152	153	144	166	155
	Kiểm tra lại	12 (1,5%)	5	0	6	1	0

Scanned with CamScanner

Đ

	(tỷ lệ so với tổng số)						
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	**12 (1.5%)**	5	0	6	1	0
5	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0
VII	**Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học** (tỷ lệ so với tổng số)	**155 (100%)**					155

Tân Long, ngày 09 tháng 09 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Huyền Thục Nữ Thuỵ Băng Châu

Scanned with CamScanner Đëřc quét bŃng CamScanner

UBND HUYỆN PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN LONG

Mẫu 7

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học
Năm học 2024- 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	27	1 phòng/ 1 lớp
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	27	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	10250	12m^2/ hs
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	3264	3.8m^2/ hs
VI	**Tổng diện tích các phòng**	2785	
1	Diện tích phòng học (m^2)	1729	
2	Diện tích phòng thiết bị (m^2)	124	
3	Diện tích thư viện (m^2)	124	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)		
5	Diện tích phòng khác (….)(m^2)		
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	**25**	0.7 bộ/ 1 lớp
1	Khối lớp 1	5	
2	Khối lớp 2	6	
3	Khối lớp 3	5	
4	Khối lớp 4	6	
5	Khối lớp 5	5	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	**72**	
IX	**Tổng số thiết bị**		
1	Máy chiếu	23	
5	Bộ âm thanh (amly, loa)	1	
6	…..		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	**210 m^2**
XI	**Nhà ăn**	**430 m^2**

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ

Scanned with CamScanner
Đ

XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	/		
XIII	**Khu nội trú**	/		

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		4		0.1m²/HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu).*

		Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet (ADSL)**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Tân Long, ngày 09tháng 09năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN LONG

Đỗ Huyền Thục Nữ Thuỵ Băng Châu

Scanned with CamScanner

UBND HUYỆN PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN LONG

Mẫu 8

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục tiểu học
Năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc có thời hạn và không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng theo NĐ 111)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số CBGVNV	**45**	**45**				**31**	**5**	**1**	**5**	
I	**Giáo viên**	**34**	**34**				**30**	**5**			
	Giáo viên dạy lớp	27	27				27	3			
1	Mĩ thuật	0	0				0				
2	Thể dục	2	2				1	1			
3	Âm nhạc	1	1					1			
4	Tiếng nước ngoài	3	3				3	0			
5	Tin học	1	1				1				
II	**Cán bộ quản lý**	**2**	**2**				**2**				
1	Hiệu trưởng	1	1				1				
2	Phó hiệu trưởng	1	1				1				
III	**Nhân viên**	**9**	**9**								
1	Nhân viên văn thư	0									
2	Nhân viên kế toán	1	1					1			
3	Thủ quĩ										
4	Nhân viên y tế			1				1			
5	Nhân viên thư viện-TB-CNTT	1	1					1			
6	Phục vụ	2		2						2	
7	Bảo vệ	3		3						3	
8	Nhân viên thiết bị	0									
9	Phụ trách đội	1	1				1				
10	Phụ trách phòng leb, QLPM										

Tân Long, ngày 09 tháng 09 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN LONG

Đỗ Huyền Thục Nữ Thuỵ Băng Châu

Scanned with CamScanner ĐŔńc quét b ng CamScanner